

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16 -12- 2021

V/v: Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

*Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Đức Toàn;

2. Bà Nguyễn Thị Thu T.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Lương Thị Quỳnh.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 116/2021/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2021 về ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2021/QĐST – HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Huyền t, sinh năm 1998;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đình Phùng, xã Vũ Đông, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn Quang Trung, xã Vũ Đông, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

**Bị đơn:** Anh Trần Công M , sinh năm 1990;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại: Thôn Đình Phùng, xã Vũ Đông, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

*(Chị T có mặt; anh M vắng mặt lần thứ hai không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn, nuôi con đề ngày 21/7/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày và có yêu cầu như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Trần Công M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vũ Đông, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình vào ngày 16 tháng 02 năm 2017. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do anh M không có việc làm, không tu chí làm ăn, mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng quan hệ giữa hai người không được cải

thiện mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do xác định tình cảm vợ chồng không còn nên từ tháng 12/2019 chị đã về nhà mẹ đẻ ở, sống ly thân với anh M từ đó đến nay, nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Công M.

Về con chung: Chị và anh Trần Công M có một con chung là Trần VA, sinh ngày 22/3/2017. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng cho con vì anh M không có việc làm, không có thu nhập.

Về chia tài sản: Chị và anh M không có tài sản chung và nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, việc anh M khai có nợ chung là không đúng sự thật. Chị yêu cầu anh M chứng minh đó là khoản nợ dùng vào mục đích gì, vay ai, từ khi nào, còn việc anh M có nợ riêng hay không thì chị không biết.

*Bị đơn là anh Trần Công M trình bày:* Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn cũng như thời gian ly thân giữa anh chị như chị T trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng, theo anh M là do chị T có mối quan hệ bên ngoài, anh đã nhắc nhở nhiều lần nhưng chị T không thay đổi nên anh có đánh chị T một lần do vậy chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ để sinh sống từ tháng 12/2019 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị T xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có một con chung là Trần VA, sinh ngày 22/3/2017. Ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Hiện nay anh đang làm nghề lái máy xúc có thu nhập để nuôi con

Về chia tài sản: Anh và chị T không có tài sản nhưng có nợ chung số tiền 170.000.000 đồng, anh yêu cầu chị T phải có trách nhiệm thanh toán một nửa số nợ trên.

Kết quả xác minh tại gia đình anh M, bà Đặng Thị N là mẹ đẻ anh M cung cấp: Anh M và chị T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vũ Đông năm 2017. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể như thế nào thì gia đình không biết. Từ cuối năm 2019 chị T bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, hai bên gia đình cũng tìm cách hòa giải nhưng không thành. Nay chị T xin ly hôn, gia đình để anh chị tự quyết định.

Về con chung: Anh chị có một con chung như anh chị đã trình bày là đúng, nếu anh chị ly hôn, bà đề nghị giao con cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản: Anh M và chị T không có tài sản chung còn có nợ ai không thì bà không biết, tại địa phương anh chị không vay nợ các tổ chức hay đoàn thể nào.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng về quyền và nghĩa vụ của mình và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được thông báo và triệu tập hợp lệ 02 lần, vẫn không tham gia tố tụng tại phiên tòa là tự từ bỏ quyền lợi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 xét xử vắng bị đơn. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị Huyền được ly hôn anh Trần Công M. Về con chung: Áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình xử giao chung cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Áp dụng Điều 24, 27 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chi Trình phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được được xem xét công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp anh Trần Công M đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh M không có mặt. Vì vậy Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huyền t và anh Trần Công M kết hôn tự nguyện, khi kết hôn không vi phạm điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vũ Đông, thành phố Thái Bình ngày 16 tháng 02 năm 2017 là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, chị T thì cho rằng anh M không tu chí làm ăn, anh M thì không tin tưởng vợ, do không thấu hiểu và thông cảm cho nhau nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị T và anh M đã kéo dài, được gia đình hai bên hòa giải nhưng vẫn không giải quyết được. Từ tháng 12/2019 chị T và anh M đã sống ly thân, cuộc sống hôn nhân trên thực tế đã không còn tồn tại. Xét hôn nhân giữa chị T và anh M không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Huyền t xin ly hôn với anh Trần Công M.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng cho con: Chị T và anh M đều có nguyện vọng nuôi con, cả hai đều trình bày có việc làm và thu nhập, chị T có tài liệu chứng M thu nhập, anh M không chứng M được thu nhập. Tuy nhiên con chung của anh chị đã trên 36 tháng tuổi, từ khi còn nhỏ đã ở cùng bố và ông bà nội, hiện con đang không có mặt tại địa phương mà đang ở nhà anh trai của anh M tại địa phương khác, nên để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con, Hội đồng xét xử giao con Trần VA, sinh ngày 22/3/201 cho bố là Trần Công M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con nên chị T không phải cấp dưỡng.

[4] Về chia tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, anh M yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung nhưng không nộp tạm ứng án phí chia tài sản khi nhận Thông báo nộp tạm ứng án phí của Tòa án, anh M cũng không cung cấp các tài liệu chứng cứ để chứng M cho yêu cầu của anh là có căn cứ và hợp pháp mặc dù đã được Tòa án giải thích quyền và nghĩa vụ, do vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn anh Trần Công M .

2. Về nuôi con chung: Giao con Trần VA, sinh ngày 22/3/2017 cho anh Trần Công M trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị Huyền T không phải cấp dưỡng cho con.

Chị Nguyễn Thị Huyền T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng, chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị T, anh M có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về chia tài sản chung vợ chồng: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huyền T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, biên lai thu số 0000364 ngày 15 tháng 10 năm 2021, sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Huyền T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 16/12/2021, anh Trần Công M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hay niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- UBND xã Vũ Đông, TP Thái Bình (Số 08/2017 ngày 16/ 02/2017)
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**